

5.2- VƯƠNG QUỐC TRUNG BÌNH

(*The Middling Kingdom*)

Salvatore Babones

Foreign Affairs, Sept/Oct 2011

Về mọi phương diện, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chưa từng có, và là một phép lạ. Theo IMF, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng trung bình 9.6% mỗi năm từ 1990 đến 2010. Lúc bắt đầu của khủng hoảng tài chính toàn cầu gần đây nhiều người sợ là guồng máy tăng trưởng của Trung Quốc sẽ ngưng lại. Vào cuối năm 2008, xuất khẩu của Trung Quốc sụp đổ, gây nên lo lắng về bất ổn chính trị và nổi loạn quân chúng ở trong nước. Cuối cùng, cuộc khủng hoảng toàn cầu chỉ là một ổ gà nhỏ trên con đường tăng trưởng của nước này. Có thể áp lực lạm phát đang gia tăng tại Trung Quốc, và bong bóng bất động sản đe dọa sẽ vỡ nổ, nhưng hầu hết các kinh tế gia đều dự đoán là đất nước này tiếp tục tăng trưởng tốt trong thời gian sắp tới. Mặc dù sự dự báo của họ khác biệt nhau rất lớn, nhưng họ đều chia sẻ cảm nhận là tăng trưởng của Trung Quốc sẽ nhanh – nếu không nhanh bằng thời gian qua – và tỉ lệ tăng trưởng sẽ tiếp tục cao trong nhiều thập kỷ. Những dự báo này có vẻ thận trọng cho tương lai gần (thành tựu của Trung Quốc sẽ không đến nỗi kỳ lạ như thời gian vừa qua), nhưng lạc quan cho tương lai xa (không ai nhìn thấy chỗ ngừng của quỹ đạo tăng trưởng). Một cách ngẫu nhiên hoặc có chủ ý, họ đã dự phóng cho tương lai theo chiều hướng hiện tại.

Ví dụ, kinh tế gia đoạt giải Nobel, Robert Fogel, tin là Trung Quốc sẽ tăng trưởng trung bình 8% cho tới 2040. Vào lúc đó, nó sẽ giàu có gấp hai lần châu Âu (tính theo đầu người), và chiếm tới 40% tổng số GDP của cả thế giới (so với 14% của Mỹ và 5% của châu Âu). Một số kinh tế gia khác thận trọng hơn : Uri Dadush và Bennett Stancil của Quỹ Carnegie cho Hòa bình thế giới (C.E.I.P) dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 5.6% mỗi năm tới tận năm 2050.

Giống như mọi dự báo khác, các dự báo kể trên đều dựa theo những mô hình kinh tế kỹ lưỡng. Nhưng liệu chúng có đáng tin không ? Sự ngoại suy (dự phóng) từ chiều hướng hiện tại chỉ có ý nghĩa khi người ta muốn dự báo cho năm tới hay một vài năm sau đó. Nhưng khi thời gian dự báo trở thành hàng thập kỷ, vấn đề cần xem xét lại. Nếu tổ tiên tôi đầu tư 1 xu vào năm 1800 (để dành cho tôi) theo lãi suất kép 6% một năm sau khi trừ đi lạm phát, thì tới nay đồng xu này trị giá 280.000 đô la. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là dễ kiếm được chỗ để đầu tư lâu dài tới 211 năm với lãi suất cao như vậy. Sự vật đổi dời. Sự vật có thể sai lạc. Lợi tức của quá khứ không chắc đã bảo đảm cho thành tựu của tương lai.

Khi phải tính toán kỹ về độ tăng trưởng tương lai của Trung Quốc, mô hình kinh tế chỉ cho thấy chiều hướng. Mô hình dự báo sản lượng kinh tế tương lai trên căn bản mức độ tương lai của đầu vào. Nhưng đầu vào không ai dự báo được. Cuối cùng, người ta đã suy diễn từ mức độ đầu vào hiện nay. Và đầu vào, cũng như các nhân tố chính của nền kinh tế, thay đổi với thời gian. Kinh tế Trung Quốc chuyển biến rất nhanh : từ nền nông nghiệp tự túc qua công nghiệp nặng, tiến tới công nghệ điện tử

hiện đại nhất, rồi tới khu vực dịch vụ tiêu dùng. Và tới một lúc nào đó trong tương lai, độ tăng trưởng quá cao của Trung Quốc sẽ khựng lại, và tăng trưởng kinh tế chậm lại, trở về mức độ tương tự như các quốc gia ngang hàng khác.

Khi sự tăng trưởng trở nên khó khăn :

Vào năm 2011, người ta có vẻ điên khi nói về đỉnh điểm của thị trường Trung Quốc. Tính theo mô hình của Fogel và của Dadush Stancil, có vẻ không có rào cản trung hạn cho sự tăng trưởng của Trung Quốc. Chừng nào lực lượng lao động ở thành thị còn tiếp tục nở rộng, mức độ giáo dục tiếp tục được nâng cao, và tiền vốn tiếp tục chảy vào Trung Quốc, nền kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Nhưng liệu sự việc có đơn giản như vậy không ? Có một điểm mà các mô hình tính toán kinh tế không để ý tới là khi một đất nước đã phát triển, tốc độ tăng trưởng sẽ khó khăn hơn. Khi nền kinh tế leo lên tới bậc thang cao của kinh tế thế giới, chuyển tiếp từ việc sản xuất hàng chế biến đơn giản qua hoạt động sáng tạo để triển khai những ngành công nghiệp mới, tốc độ tiến lên ngày càng chậm lại. Hàn Quốc đã phải mất 30 năm (từ 1960-1990) để nâng cao GDP (tính theo đầu người) từ 1/30 của người Mỹ lên tới 1/3 của người Mỹ. Rồi sau đó, Hàn Quốc lại mất 20 năm để tiến từ 1/3 GDP của Mỹ lên tới 1/2 GDP của Mỹ. Và ngày nay, Hàn Quốc còn xa vời mới đuổi kịp Mỹ. Nước Nhật đã đuổi kịp phương Tây (và vượt mặt phương Tây về một mặt nào đó) vào những năm 1980. Nhưng rồi bong bóng của Nhật nổ vỡ, và từ 1990, độ tăng trưởng của Nhật chỉ còn khoảng 1% mỗi năm.

Còn thêm nữa, hai quốc gia này được coi là hai quốc gia thành công hơn hầu hết các quốc gia khác. Không có một quốc gia nào có tầm vóc trung bình hay một quốc gia rộng lớn nào có nền kinh tế đa dạng lại được thành công như Nhật Bản. Trong số 4 con hổ châu Á, hai quốc gia giàu nhất (Hong Kong và Singapore) chỉ là 2 thành phố, và hai quốc gia khác (Hàn Quốc và Đài Loan) cơ bản chỉ là hai đơn vị lớn hơn thành phố một chút, và nằm xa phía sau về phương diện kinh tế. Những quốc gia nghèo khác đã trở nên giàu có là những trung tâm tài chính ngoại hải (*offshore*), hay là những *sheikdom* dầu hỏa nhỏ bé. Không có một quốc gia nào có tầm vóc lớn của một đất nước với các thành phố và các vùng kinh tế, với một dân số nông nghiệp rất lớn, và địa hạt chính trị khác nhau. Ngay cả Nhật Bản cũng là một mô hình nhà nước cần đặt dấu hỏi, đã đuổi kịp các nước Tây phương nhanh chóng trong thời gian gần đây. Chỉ vì nước Nhật đã đạt được mức độ phát triển trước Thế chiến II. Cũng giống như các quốc gia lãnh đạo của phương Tây, Nhật đã công nghiệp hóa vào cuối Thế kỷ 19 và đầu Thế kỷ 20, một phần nhờ vào sự khai thác thuộc địa một cách tàn bạo. Nhưng nền kinh tế của nó đã suy sụp trong Thế chiến II, như thế, sự tăng trưởng hậu chiến của nó chỉ là sự trở lại mức độ kinh tế trước chiến tranh theo chừng mực nào đó. Nói cách khác, cho tới nay, chưa có thí dụ nào cho thấy một quốc gia nào có một quỹ đạo tăng trưởng nhanh chóng lên tới hàng đầu của thế giới. Đó là câu hỏi được đưa ra, liệu Trung Quốc có phải là ngoại lệ không ?

Sự tăng trưởng của Trung Quốc thường được mô tả là sự trở lại tự nhiên về vị trí lịch sử của nó trong nền kinh tế thế giới. Lý lẽ này có vẻ sáng suốt nhưng không đúng. Theo lập luận của sử gia kinh tế đã quá cố, Angus Maddison (1), lần cuối cùng

mà Trung Quốc đuổi theo kịp phương Tây là vào khoảng thời Marco Polo (đầu nhà Nguyên). Sau đó Trung Quốc đã tương đối suy tàn so với phương Tây một thời gian dài trước cuộc cách mạng công nghiệp, trước khi có chủ nghĩa thực dân Tây phương, và ngay cả trước khi Trung Quốc quay về hướng nội vào thế kỷ 16. Lịch sử của 5 thế kỷ vừa qua cho thấy không phải là sự suy tàn tuyệt đối của Trung Quốc, mà là sự tiến lên tương đối của phương Tây. Các nền kinh tế châu Âu tăng trưởng khá nhiều từ năm 1500 đến 1800 (theo Maddison, vào năm 1820). Trước khi có đường xe lửa, điện tín, công nghiệp sắt hiện đại, và trước cuộc chiến tranh Á phiến, sự đổ bộ Hong Kong và cuộc nổi loạn Thái Bình Thiên Quốc – lợi tức đầu người của Trung Quốc thấp hơn một nửa so với mức trung bình của các quốc gia châu Âu. Vào năm 1870, lợi tức này giảm xuống còn 25% mức trung bình châu Âu. Và vào 1970, chỉ còn bằng 7% của châu Âu. Các con số của Maddison được tính toán theo sức mua tương đối (ppp). Nếu tính theo ngoại tệ cứng (đô la Mỹ), mức độ còn xấu hơn nữa. Theo cách tính toán dựa trên tỉ giá ngoại tệ của Ngân hàng Thế giới (World Bank), giữa 1976 và 1994, thu nhập GDP đầu người Trung Quốc thấp hơn 2% thu nhập đầu người của Mỹ. Và hiện nay, mức này còn thấp hơn 10% thu nhập đầu người của Mỹ.

Nói một cách khác, sự tăng trưởng dữ dội của nền kinh tế Trung Quốc trong hai thập kỷ vừa qua chưa làm được gì hơn là mang đất nước trở lại vị trí của nó vào năm 1870 (tính theo mãi lực). Những người lạc quan cho rằng đó là chứng cứ rõ rệt cho khả năng của Trung Quốc : nếu Trung Quốc chỉ nằm ở mức độ 1870, họ sẽ còn có thể tiến xa thêm nữa. Nhưng những người bi quan lại cho rằng Trung Quốc đã đánh mất vị trí vào 1870, thì bây giờ cũng có thể đánh mất vị trí đó. Không có lý do gì trông đợi một trong hai khả năng trên xảy ra. Một nhận định bảo thủ cho rằng Trung Quốc sẽ ngưng lại tại vị trí hiện nay của nó.

Lợi thế một lần

Có một lý do nữa cho thấy các mô hình dự báo tăng trưởng của Trung Quốc là quá đơn giản, là chúng đã bỏ quên những lực đẩy *xảy ra một lần* đã đưa Trung Quốc tiến lên trong quá khứ, và những chướng ngại chính trị, môi trường, và cơ cấu sẽ giới hạn sự tăng trưởng này trong tương lai. Ngày nay Trung Quốc có vị trí chính trị và quân sự so với phương Tây, hùng mạnh hơn thời kỳ 1870 và có vẻ sẽ không phải rơi vào cảnh khó khăn kéo dài hàng thế kỷ thêm một lần nữa. Nhưng liệu đó có nghĩa là nó sẽ trở thành quốc gia giàu nhất thế giới hay không ?

Sự tăng trưởng kỳ lạ của Trung Quốc trong hai thập kỷ vừa qua là nhờ vào hai lợi thế chỉ xảy ra một lần : chỉ số sinh đẻ giảm của dân số Trung Quốc, và trình độ đô thị hóa tăng nhanh. Cả hai nhân tố này dẫn đến sự gia tăng năng suất lao động, nhưng đó là những quy trình có giới hạn, và trong tương lai chưa chắc sẽ xảy ra. Hiện nay, tỉ lệ sinh đẻ bắt đầu giảm, ngay từ trước khi có sự áp đặt chính sách một con vào năm 1979. Sự suy giảm tỉ lệ sinh đẻ trong những năm 1970 có nghĩa là trong hai thập kỷ 1980 và 1990, cả gia đình lẫn Nhà nước đều tập trung nguồn lực hạn chế của mình cho một số tương đối ít trẻ em. Ngày nay, những trẻ em này đã ở tuổi 30, và đang đóng góp tích cực vào quỹ lao động và vào sự tăng trưởng GDP. Các thế hệ tương lai có lẽ sẽ được hưởng giáo dục tốt hơn. Nhưng những lợi thế lớn đã xảy ra. Quan trọng hơn nữa, tỉ lệ sinh đẻ thấp trong những thập kỷ vừa qua đã giải phóng nhiều người trưởng thành, nhất là phụ nữ, để họ tham gia vào thị trường lao động. Hàng trăm triệu người

phụ nữ, thay vì làm việc nội trợ hay đồng áng đã chuyển qua làm việc trong nền kinh tế tiền tệ (được trả lương bằng tiền) và làm tăng nhanh con số GDP của đất nước. Nhân tố này đã cung cấp cho Trung Quốc một sức đẩy chỉ xảy ra một lần – nhưng nó sẽ giúp cho GDP tiếp tục tăng trưởng. Tỷ lệ sinh đẻ khó lòng giảm thêm trong tương lai. Trung Quốc không thể tiến tới chính sách không đẻ con nữa.

Thêm vào đó, ngày nay tương đối có đông người lao động sinh ra trong những thập kỷ có tỷ lệ sinh đẻ cao 1950, 1960 và đầu thập kỷ 1970. Vì các thế hệ cha ông của họ tuổi thọ rất thấp, và vì họ có ít con, những người lao động này không mất thời gian nhiều trong việc nuôi dạy con cái. Trong các thế hệ Trung Quốc xuyên suốt trong lịch sử nước này, đây là thế hệ duy nhất có điều kiện lao động và tạo ra của cải. Các thế hệ tương lai của người lao động Trung Quốc sẽ nhỏ hơn và sẽ phải lo lắng nhiều hơn cho công việc nuôi dưỡng cha mẹ già. Hơn thế nữa, tỷ lệ sinh đẻ chỉ có cách tăng lên trong tương lai, có nghĩa là người lao động sẽ có thêm con để nuôi dưỡng.

Sự gia tăng đô thị hóa cũng là nhân tố tốt xảy ra một lần để trợ giúp tăng trưởng kinh tế trong hai thập kỷ vừa qua. Đô thị hóa giúp làm tăng GDP vì người dân thành thị nói chung có năng suất hơn người dân ở nông thôn, và người thị dân thường làm những công việc có thể trả lương, trong khi đó nông dân làm những việc sống qua ngày, và không có lương. Nhưng cũng giống như sự suy giảm tỷ lệ sinh đẻ, hiện tượng đô thị hóa có giới hạn tự nhiên của nó. Mức độ đô thị hóa ở Trung Quốc còn nằm xa dưới mức độ của phương Tây. Và sự phát triển đô thị hóa ở Trung Quốc không có dấu hiệu chậm lại (với tỷ lệ tăng trưởng hiện nay, đô thị hóa ở Trung Quốc sẽ đạt ngang mức độ đô thị hóa ở phương Tây hay ở Mỹ châu la tinh vào thập kỷ 2040). Nhưng sự mở rộng đô thị hóa này mang hình thái nào? Những khu ổ chuột to lớn đã thành hình ở ngoại ô Bắc Kinh, Thượng Hải và những thành phố khổng lồ khác. Mỗi năm, chính quyền Trung Quốc đã cho xe ủi nát hàng trăm ngàn khu nhà ổ chuột, nhưng người ta không rõ là cư dân ở những khu này sẽ được tái định cư hay chỉ giản dị trở thành vô gia cư. Dù chính phủ có chiến thắng trong cuộc chiến chống các khu ổ chuột này hay không, thời kỳ mà đô thị hóa giúp đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế đã qua rồi.

Phê phán cơ cấu

Thêm vào đó, Trung Quốc đang phải đối mặt với những rào cản chính trị, môi trường và cơ cấu. Chúng sẽ giới hạn độ tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Ví dụ, nhiều chuyên gia cho rằng Trung Quốc khó có thể leo cao trong nấc thang thịnh vượng nếu không cởi mở hệ thống chính trị. Họ lý luận là những hoạt động tạo ra nhiều giá trị gia tăng, ví dụ nhân hàng, thiết kế, phát triển đòi hỏi cách suy nghĩ tự do, chỉ có trong các chế độ dân chủ. Trung Quốc có thể đào tạo hàng trăm ngàn kỹ sư nhưng nếu họ còn tiếp tục làm đông cứng sự sáng tạo của những người này, Trung Quốc sẽ không bao giờ đạt tới mức cao nhất của nền kinh tế toàn cầu (tính theo GDP đầu người) nếu các trường học, công ty và người dân của họ không được học tập để phát minh nhiều hơn điều họ đã làm trong quá khứ. Điều này đang xảy ra. Nhưng nền văn hóa chính trị đông lạnh của Trung Quốc là rào cản cho tiến trình này. Khó mà tưởng tượng nổi một nền kinh tế trí thức năng động lại có thể xuất thân từ một nhà nước chuyên chế. Từ trước tới nay chưa bao giờ có chuyện này.

Rào cản môi trường cho sự tăng trưởng của Trung Quốc đã được nhiều người nói đến. Tổ chức Y tế Quốc tế WHO cho biết ô nhiễm không khí đã giết 656.000

người mỗi năm, và ô nhiễm nguồn nước giết 95.600 người. Bộ Nguồn Nước của Trung Quốc ước tính có khoảng 300 triệu người (2/3 sống ở nông thôn) sống dựa vào các nguồn nước có chứa độc tố. Theo báo *New York Times*, các quan chức trong Hội đồng Nhà nước của Trung Quốc đã nói rằng đập Tam Hiệp khổng lồ có những “ vấn đề khẩn cấp ” phải được giải quyết ngay, về vấn đề tái định cư dân số, và những biện pháp ngăn ngừa thảm họa địa chất, bảo vệ sinh thái. Hiện nay Trung Quốc cũng là quốc gia thải ra nhiều khí độc gây ra hiệu ứng nhà kính. Những trận lụt và hạn hán năm nay ở Trung Quốc có thể không có liên quan tới tình hình môi trường, nhưng rõ ràng rằng khả năng Trung Quốc tiền tệ hóa môi trường để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà không chú ý tới sự tàn phá sinh thái đang tới hồi chấm dứt. Tăng trưởng tương lai của Trung Quốc phải sạch sẽ hơn tăng trưởng trước kia. Như thế, nó sẽ đắt đỏ hơn. Một quốc gia đông dân cư, Trung Quốc là nơi có sự khai thác hủy hoại môi trường mạnh nhất thế giới. Ngày nay, họ không còn nhiều môi trường để khai thác nữa.

Nhưng rào cản lớn nhất cho tăng trưởng ở Trung Quốc là vấn đề cơ cấu của nền kinh tế. Cho tới 1980, đất nước này hoàn toàn đóng cửa với thế giới. Tới 1992, hầu hết các thị tứ ở Trung Quốc đều biến thành các khu kinh tế đặc biệt, mở cửa cho tư nhân và cho đầu tư nước ngoài. Nền kinh tế mao-ít vô hiệu quả đã biến mất, và được thay thế bằng những công ty có sức cạnh tranh cao nhất thế giới. Tào ra của cải nhiều hơn các công ty quốc doanh thời cách mạng văn hóa không phải là chuyện khó khăn. Nhưng tào ra giá trị cao hơn các công ty Trung Quốc hiện nay sẽ khó khăn hơn nhiều.

Sự khó khăn này còn được nhân lên gấp bội vì những thay đổi cơ cấu của nền kinh tế. Từ 1960, tuổi thọ trung bình của người Trung Quốc tăng lên từ 47 tuổi tới 74 tuổi. Nhưng số con cái trong gia đình giảm từ 5 còn 2. Ngày nay, những ông “ hoàng đế tí hon ” sẽ phải bỏ ra những năm tháng có năng suất cao để chăm sóc cha mẹ già. Và khi họ làm như vậy, hoạt động kinh tế của Trung Quốc sẽ phải di chuyển từ lĩnh vực chế biến có năng suất cao qua lĩnh vực dịch vụ y tế có năng suất thấp. Sự chuyển biến này sẽ tạo ra giới hạn cho triển vọng tăng trưởng tương lai của Trung Quốc, bởi vì tăng cao năng suất trong lĩnh vực dịch vụ sẽ khó hơn trong công nghiệp chế biến, hầm mỏ hay canh nông. Trong quá khứ, để thực hiện lợi thế tương đối của mình, các nhà sản xuất Trung Quốc đã tập trung vào lĩnh vực chế biến cho thị trường công nghiệp quốc tế. Trong tương lai, những nhà cung cấp dịch vụ Trung Quốc sẽ không có lựa chọn, và phải tập trung vào thị trường chăm sóc sức khỏe nội địa, mặc dù không có lợi lắm.

Có thể làm hay đã làm ?

Nhiều nhà bình luận, đáng để ý nhất là các nhà nghiên cứu chính trị học George Gillboy và Eric Heginbotham, gần đây đã cảnh báo về hiện tượng “ Mỹ la tinh hóa ” Trung Quốc (2), nhất là trong vấn đề thu nhập bất bình đẳng ngày càng sâu sắc. Vào năm 2003, Trung Quốc chỉ có 1 tỉ phú đô la. Vào 2011, theo tập san *Forbes*, họ có 115 tỉ phú. Mặc dù Trung Quốc còn là một quốc gia nghèo, GDP đầu người tính theo tỉ giá ngoại tệ của Trung Quốc (dưới 5.000 USD) còn thấp hơn Brazil, Mexico, và Nga (từ 9.000 tới 10.000 USD), đó là ba quốc gia lớn thuộc hàng lợi tức trung bình. Nhưng khi Trung Quốc đuổi kịp họ, tình hình bất bình đẳng thu nhập của Trung Quốc sẽ tăng tiến tới mức bất bình đẳng thu nhập của các quốc gia này.

Trung Quốc có nhiều điểm chung với Brazil, Mexico và Nga. Các nhà xã hội học đã xếp loại 4 quốc gia này vào nhóm “ bán ngoại vi ” của nền kinh tế thế giới. Đó là nhóm các quốc gia không giàu có và hùng mạnh như các nền dân chủ phát triển, nhưng không nghèo như các quốc gia châu Phi, Trung Mỹ hay Đông Nam Á (những ví dụ khác là Indonesia và Thổ Nhĩ Kỳ). Các quốc gia này có đặc tính là nhà nước mạnh nhưng định chế yếu, chính phủ bị ảnh hưởng nhiều bởi những người giàu nhất, và có tình trạng nghèo đói tràn lan.

Với mức tăng trưởng hiện nay, Trung Quốc có vẻ sẽ đuổi kịp Brazil, Mexico và Nga vào khoảng năm 2020, tính theo GDP đầu người. Tới thời điểm này, cả 4 quốc gia đều đạt tới mức thu nhập bình quân đầu người từ 10.000 USD đến 15.000 USD (tính theo USD hiện nay). Tất cả 4 quốc gia này đều có gần chung một mức thu nhập bất bình đẳng như nhau. Người dân của họ không còn phải bị đói hay thiếu dinh dưỡng, nhưng họ vẫn còn cảnh dơ dáy nghèo khổ tràn lan. Khoảng 40% dân số của các quốc gia này sẽ sống ở thành thị lớn, và 20% sống ở nông thôn. Phần còn lại sống trong các thành phố nhỏ. Tỷ lệ sinh đẻ hơi giảm một chút dưới mức cần để thay thế dân số. Và khoảng 2/3 dân số ở độ tuổi từ 16 đến 65 (tuổi lao động). Đối mặt với hiện tượng già hóa tăng lên, các quốc gia này cần chuyển đổi nền kinh tế từ công nghiệp tăng trưởng cao qua dịch vụ y tế có tăng trưởng chậm.

Các điểm kể trên đặt ra một câu hỏi : nếu vào năm 2020, Trung Quốc sẽ phải đối mặt với những điều kiện về cơ cấu hầu như giống hệt cơ cấu Brazil, Mexico, và Nga, tại sao người ta lại nghĩ là nó sẽ tăng trưởng nhanh hơn các quốc gia này ? Từ nhiều thế hệ, Brazil và Mexico đã nằm vào nhóm các quốc gia có *số thu nhập trung bình*. Nước Nga đã từng nằm trong nhóm này vào đầu thế kỷ 20, và đã quay trở lại ngay nhóm này sau khi Liên Xô sụp đổ. Trung Quốc đã thuộc nhóm này vào năm 1870, và bây giờ đang trở lại. Chắc chắn là Trung Quốc lớn hơn các quốc gia này, nhưng không có lý do gì để nói là lớn hơn sẽ có phát triển khác biệt. Các bảng thống kê lịch sử cho biết không có tương quan nào giữa tầm vóc của một quốc gia với sự tăng trưởng của quốc gia đó.

Vị trí tương đối của Trung Quốc vào năm 2020 sẽ tương tự như Trung Quốc vào năm 1870 hay Brazil, Mexico ngày nay. Không có lý do nào đặc biệt để tin là vào 2020, Trung Quốc sẽ thành công hơn các quốc gia khác. Có thể thái độ năng động của Trung Quốc đối với sự phát triển kinh tế sẽ giúp họ tới quy chế một quốc gia có lợi tức trung bình trên thế giới, mặc dù nó có một xã hội dân sự yếu kém, một dân số ngày càng già, và một môi trường bị tàn phá. Và một khi đạt tới vị trí trong thế kỷ 19 tương đối so với phương Tây, có thể Trung Quốc sẽ lấy lại được vị trí của mình vào thế kỷ 13, cao cấp hơn phương Tây. Cơ cấu không phải là định mệnh. Và nếu Trung Quốc vượt qua được những hạn chế, họ có thể thay đổi hẳn cán cân lực lượng trong hệ thống quốc tế.

Nhưng có lẽ hợp lý hơn là nên coi thái độ “ dám làm ” nổi tiếng của Trung Quốc như là một thái độ “ đã làm ” – một sự hạnh diện hợp lý trong những thành quả đã đạt được gần đây hơn là một điểm báo hiệu cho những thành tựu trong tương lai. Cũng giống như những quốc gia trung bình khác, Trung Quốc có vẻ sẽ tăng trưởng nhanh hơn một chút so với các quốc gia phương Tây, nhưng sẽ không nhanh bằng thời kỳ 1990-2010, và với nhiều bất ổn. Nhưng dân số Trung Quốc bắt đầu giảm từ 2020, trong lúc dân số ở Mỹ vẫn tăng. Tầm vóc toàn bộ kinh tế Trung Quốc như thế sẽ trụ lại

ở mức gần bằng tầm vóc kinh tế Mỹ, cho thời gian còn lại của thế kỷ 21. Điều này không có nghĩa là Trung Quốc không có vai trò quan trọng trên thế giới. Ngay cả nếu nó chỉ ngang hàng với Mỹ tính theo tầm vóc tổng thể của nền kinh tế, và thu nhập GDP bình quân đầu người bằng 1/4 của Mỹ, Trung Quốc vẫn là một đại cường mà người ta phải công nhận. Trung Quốc sẽ trở thành quốc gia tất yếu thứ 2 trên thế giới.

Nhưng nước Mỹ có cả một mạng lưới đồng minh rộng rãi và vị trí địa chiến lược rất lớn, quyền bá chủ của Mỹ sẽ không bị sự nổi lên của Trung Quốc đe dọa. Nước Mỹ có các đồng minh kỳ cựu vây quanh (Canada và Tây Âu), hay có các quốc gia ổn định nhưng không cạnh tranh với Mỹ (Mỹ la tinh). Còn lân bang của Trung Quốc là những quốc gia giàu có và hùng mạnh như Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam đang nổi lên, những quốc gia khổng lồ Ấn Độ và Nga, và một loạt những quốc gia thất bại yếu kém ở Trung Á và Nam Á. Nước Mỹ ngự trị toàn quyền các đại dương, bầu trời và không gian. Trung Quốc đang phải đấu tranh để thiết lập trật tự nội bộ. Trung Quốc sẽ xứng đáng một cách hợp pháp, có vai trò ngày càng quan trọng trên chính trường châu Á và thế giới, nhưng nó sẽ không đủ điều kiện để thống trị ngay cả châu Á, chứ chưa nói đến thế giới.

Các học giả có thể lợi dụng cơ hội này để bàn về tương lai hậu Mỹ, thế giới phải học tiếng quan thoại. Nhưng thực tế cho thấy chuyện này sẽ không xảy ra trong thế kỷ này. Nên coi Trung Quốc là một quốc gia lớn nhưng bình thường. Thế giới không nên lo sợ sự thống trị của Trung Quốc. Bỏ qua một bên sự hồ hởi hay sự hoảng loạn, người ta phải coi Trung Quốc là một quốc gia đã trải qua một bi kịch dài 200 năm, và bây giờ đã trở lại bình thường. Đó là điều tốt (cho Trung Quốc, cho nước Mỹ, và cho thế giới). Nếu hệ thống thế giới tới viếng thăm Trung Quốc, và Trung Quốc tự nhìn lại mình, như là một thành viên quan trọng, nhưng không đầy quyền lực của một hệ thống toàn cầu, những nỗi lo sợ vô lý sẽ giảm đi đáng kể ở cả hai phía. Và đúng là như vậy. Một Trung Quốc ngày mai có vẻ sẽ tập trung giải quyết những nhu cầu của nhân dân họ, hơn là cố gắng tạo lập cho mình vai trò bá chủ thế giới.

Salvatore Barbone
Giáo sư Xã hội học
University of Sydney, Úc

- (1) **Angus Maddison** : (1926-2010) Kinh tế gia người Anh, giáo sư Đại học Groningen. Chuyên gia về lịch sử kinh tế vĩ mô. Nổi tiếng về các bảng thống kê lịch sử tăng trưởng và dân số của các quốc gia trên toàn thế giới.
- (2) **Mỹ la tinh hóa** : Chuyển biến theo như tiến trình của các quốc gia Mỹ la tinh : tăng trưởng tới mức GDP trung bình đầu người khoảng 7000 USD-10.000 USD thì khựng lại (*Bẫy thu nhập trung bình*), phân phối của cải trong xã hội không đồng đều, kinh tế phát triển dựa nhiều vào tài nguyên thiên nhiên hoặc nhân công rẻ.